

Phòng chống tham ô, tham nhũng thời Lê sơ

Nguyễn Thanh Bình¹

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: nguyenthanhbinhtriet@gmail.com

Nhận ngày 13 tháng 2 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 3 năm 2017.

Tóm tắt: Nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lê sơ luôn coi trọng và quan tâm chống tham ô, tham nhũng trong bộ máy nhà nước và trong đội ngũ quan lại có chức, có quyền. Vấn đề này được thể hiện khá đầy đủ, rõ nhất trong bộ *Quốc triều hình luật*. Trong bộ luật này đã đưa ra nhiều điều luật, những quy định cụ thể để ngăn cấm, trừng trị tội tham ô, tham nhũng. Những điều luật, quy định ấy không chỉ để loại trừ loại tội phạm nguy hiểm này mà còn chủ yếu nhằm kiến tạo một bộ máy nhà nước và đội ngũ quan lại, có chức có quyền luôn có đạo đức và nâng cao hiệu quả năng lực quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Bộ luật này ra đời cách đây hơn 500 năm (ban hành vào năm 1483), nhưng nhiều điều luật của bộ luật liên quan đến vấn đề phòng chống tham ô, tham nhũng vẫn có giá trị nhất định, để lại không ít những bài học kinh nghiệm quý báu trong việc loại trừ nạn tham ô, tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Quốc triều hình luật, thời Lê sơ, phòng chống tham ô, tham nhũng.

Abstract: The Vietnamese feudal state in the Later Le early period always attached importance to and carried out the fight against corruption in the state apparatus and among the mandarins, which was demonstrated most vividly in the *Quốc triều hình luật* (Penal Code of the Royal Court). The code contained many specific stipulations to deter and punish corruption, that were aimed to not only eradicating the dangerous crimes but also creating a state apparatus with mandarins of good ethics, and enhancing the efficiency of state and society management. Although the code was promulgated over 500 years ago (1483), many of its articles related to anti-corruption still maintain their values, leaving many valuable lessons and experiences to the fight against corruption in Vietnam today.

Keywords: The Penal Code of the Royal Court, the Later Le early period, anti-corruption.

1. Mở đầu

Quốc triều hình luật (còn được gọi là *Luật Hồng Đức*) là bộ luật quan trọng nhất và

chính thống nhất dưới triều Lê sơ, được nhà vua Lê Thánh Tông ban hành vào năm 1483 trong thời gian ông lấy niên hiệu là *Hồng Đức* (1470-1497), bởi vậy mà trong dân

gian và trong sử sách vẫn thường gọi bộ luật này là *Luật Hồng Đức*. Nhiều nhà nghiên cứu khẳng định rằng, đây là bộ luật tiên bộ nhất, hoàn chỉnh nhất trong các bộ luật ở Việt Nam thời phong kiến. Bộ luật ấy chứa đựng nhiều tư tưởng rộng lớn, đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, là một trong những cơ sở, nền tảng trong việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước phong kiến thịnh trị thời Lê sơ. Một trong những nội dung chủ yếu nhất được đề cập trong bộ luật này là vấn đề phòng, chống tham ô, tham nhũng. Ngay ở nội dung này, bộ *Luật Hồng Đức* là một trong những công cụ chủ yếu của nhà vua và triều đình phong kiến trong việc tuyển chọn, đào tạo, giáo dục đội ngũ quan lại “có đạo đức, có tri thức và tôn trọng pháp luật” (để họ thực sự là “bề tôi trung thành của nhà vua, là nanh vuốt của triều đình, là cha mẹ của muôn dân”, và góp phần vào việc kiến tạo bộ máy nhà nước có đạo đức, một xã hội có đạo đức và mọi người đều có đạo đức theo tư tưởng đạo đức và đức trị Nho giáo).

Bộ luật này để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng bộ máy nhà nước, đặc biệt trong việc phòng chống nạn tham ô, tham nhũng ở nước ta hiện nay.

2. Những căn cứ chủ yếu xây dựng điều luật phòng chống tham ô, tham nhũng

Dưới chế độ phong kiến Việt Nam từ cuối triều Lý trở đi, việc ngăn ngừa và trừng trị nạn tham ô, tham nhũng luôn được nhà vua, triều đình phong kiến quan tâm. Điều này đã được ghi chép ở các bộ quốc sử: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, v.v.. Đặc biệt, dưới triều

vua Lê Thánh Tông trị vì (1460-1497), vấn đề này được ông và triều đại của ông hết sức quan tâm. Trong 722 điều luật của *Luật Hồng Đức*, có hơn nửa số điều luật liên quan tới việc ngăn ngừa, đấu tranh và trừng trị tội tham ô, tham nhũng. *Luật Hồng Đức* coi loại tội danh này là một trong những tội danh nguy hiểm nhất đe dọa nghiêm trọng đến uy tín, địa vị tối thượng của nhà vua, đến sự tồn vong của chế độ phong kiến và trật tự, kỷ cương, sự ổn định của xã hội phong kiến. Vì vậy mà, những ai phạm vào tội danh này đều bị trừng trị với những hình phạt nghiêm khắc (đồ, lưu, chém). Cũng cần phải nói rõ thêm rằng, đối tượng chế tài của phần lớn những điều luật này là đội ngũ quan lại và những người có chức có quyền.

Vì sao vấn đề phòng, chống tham ô, tham nhũng luôn được các triều đại phong kiến Việt Nam đặt ra, nhất là dưới triều vua Lê Thánh Tông và điều đó có mâu thuẫn với một sự thật là, pháp luật trong các xã hội có giai cấp bao giờ cũng là công cụ, là biện pháp chủ yếu để bảo vệ, duy trì địa vị thống trị của giai cấp thống trị và trật tự xã hội phù hợp với yêu cầu của giai cấp ấy? Có thể đưa ra ba nguyên nhân chủ yếu lý giải vì sao vua Lê Thánh Tông và triều đại của ông đặc biệt quan tâm đến việc phòng chống, đấu tranh và trừng trị tội tham nhũng và thực hiện việc này một cách kiên quyết nhất.

Một là, các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Lý (thế kỷ XI) trở đi đều lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng và tư tưởng đức trị của Nho giáo là một trong những công cụ chủ yếu để cai trị và quản lý xã hội. Chịu ảnh hưởng tư tưởng đức trị nói chung và quan niệm của Nho giáo về mô hình xã hội lý tưởng nói riêng, các triều đại phong kiến này luôn hướng tới và cố gắng kiến tạo,

phát triển xã hội và chế độ phong kiến hùng mạnh, có trật tự, có kỷ cương, có đạo đức và thật sự ổn định. Một xã hội, một chế độ như vậy không chỉ là ý muốn, là mục đích của giai cấp phong kiến, mà còn là nhu cầu của cả dân tộc; là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chế độ phong kiến và nền độc lập dân tộc. Bởi vậy mà, ngăn ngừa và trừng trị tội tham ô, tham nhũng trong hàng ngũ quan lại, những người có chức có quyền trong bộ máy nhà nước và trong xã hội là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để duy trì, phát triển cái mô hình xã hội ấy.

Hai là, để xây dựng và phát triển đất nước về mọi mặt, chống lại một cách có hiệu quả mọi hành động xâm lược từ bên ngoài nhằm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập dân tộc, duy trì sự thống nhất quốc gia, thì tất yếu phải xây dựng một bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền hùng mạnh. Nhưng để xây dựng và duy trì một bộ máy nhà nước có khả năng và năng lực thực thi có hiệu quả những yêu cầu và nhiệm vụ trên đây, bộ máy nhà nước đó phải là một bộ máy nhà nước có học vấn, có năng lực, có đạo đức và thật sự trong sạch. Dưới thời Lê sơ, đặc biệt dưới thời Lê Thánh Tông, một bộ máy nhà nước như vậy càng được ông vua uyên thâm Nho học, có văn hoá và đầy bản lĩnh hết sức quan tâm. Điều này dễ hiểu vì sao, Lê Thánh Tông lại coi trọng và quan tâm đến tri thức Nho học và nhất là nhân cách đạo đức của đội ngũ quan lại, những người có chức, có quyền. Chịu ảnh hưởng và vận dụng tư tưởng đức trị của Nho giáo, trong tư tưởng của Lê Thánh Tông, đội ngũ quan lại (bề tôi) là người giúp vua và cùng vua trị nước, trị dân. Vì vậy, đội ngũ này gắn liền và ảnh hưởng to lớn không chỉ đến địa vị, uy

quyền tối thượng của nhà vua, mà còn đến sự thịnh suy, hưng vong của triều đại, của chế độ và của quốc gia; đến sự thành bại trong việc thực thi đường lối đức trị. Bởi vậy mà trong suốt thời gian trị vì, vua Lê Thánh Tông rất quan tâm đến việc tuyển chọn, đào tạo đội ngũ quan lại với những tiêu chuẩn chặt chẽ. Theo ông, không chỉ nhà vua mà quan lại phải có những tiêu chuẩn cơ bản và năng lực chủ yếu sau: phải có trình độ Nho học (với việc tuyển chọn quan lại chủ yếu thông qua thi cử Nho học) và phải biết vận dụng tri thức ấy trong việc giúp vua trị nước, an dân; phải có đạo đức và luôn tu dưỡng đạo đức và biết đem cái đức ấy để làm gương cho mọi người, giáo hoá mọi người; phải thật sự trong sạch, phải cần, kiệm, liêm, chính,...

Ba là, một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy vong các triều đại phong kiến trước đó là nạn tham ô, tham nhũng hoành hành mà không được ngăn chặn kịp thời và kiên quyết. Đến thời Lê Thánh Tông, tình trạng tham ô, tham nhũng càng trầm trọng và phổ biến ở mọi cấp chính quyền và trong xã hội. Lê Thánh Tông cho rằng, tình trạng đó nếu không được ngăn chặn, đẩy lùi và trừng trị nghiêm khắc sẽ đe dọa nghiêm trọng đến địa vị, quyền lực của nhà vua, đến sự tồn tại của chế độ phong kiến, làm mất lòng tin của dân (cơ sở xã hội của nhà vua và triều đại phong kiến) đối với chính nhà vua và chế độ.

Như vậy, với tư cách là một nhà Nho, một ông vua sùng Nho, do chịu ảnh hưởng của Nho giáo, tư tưởng đức trị của Nho giáo và hơn nữa xuất phát từ nhu cầu và mục đích xây dựng một xã hội, một chế độ phong kiến ổn định phát triển, một bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền hùng mạnh, toàn thịnh với một đội ngũ

quan lại có tài, có đức và thật sự trong sạch, Lê Thánh Tông luôn coi việc ngăn ngừa và trừng trị tội tham ô, tham nhũng là một trong những biện pháp chủ yếu để đạt được những mục đích chính trị trên đây.

3. Những nội dung cơ bản trong điều luật phòng chống tham ô, tham nhũng

Các điều luật liên quan đến vấn đề phòng, chống tham ô, tham nhũng trong *Luật Hồng Đức* được xây dựng trên cơ sở tất cả các chiếu, dụ, điều luật, các văn bản pháp luật khác đã được vua Lê Thánh Tông ban bố và thi hành trước đó và được sửa chữa, bổ sung, san định lại cho hoàn chỉnh trong bộ luật này. Và nhìn một cách tổng thể, việc ngăn ngừa và trừng trị tội tham ô, tham nhũng được đề cập ở tất cả các chương của bộ luật, bao quát nhiều đối tượng (mà chủ yếu đội ngũ quan lại, những người có chức có quyền), nhiều biểu hiện với những nguyên nhân, mức độ, tính chất phạm tội khác nhau và đều bị trừng trị với những hình phạt rất nặng: *biếm* (giáng chức), *đồ* (giam cầm), *lưu* (đày đi nơi xa), *chém* (giết).

Thứ nhất, về đối tượng chế tài và trừng trị của pháp luật liên quan đến tội tham ô, tham nhũng, bộ *Luật Hồng Đức* chủ yếu tập trung vào đội ngũ quan lại, những người có chức có quyền ở tất cả các cấp, các cơ cấu chính quyền của bộ máy nhà nước. Bằng chứng là, bộ luật đã dành nhiều nhất các điều luật để trừng trị tội danh này trong hàng ngũ quan lại. Theo đó, tất cả quan lại ở mọi cấp, được nhà vua giao nhiệm vụ mà lợi dụng chức quyền, nhiệm vụ (tức vi phạm nguyên tắc chính danh của Nho giáo) để chiếm đoạt tài sản, tiền bạc của công,

của nhà nước, của dân đều được coi là vi phạm nghiêm trọng pháp luật và bị trừng trị đích đáng với những hình phạt nghiêm khắc; tất cả số tài sản, tiền bạc chiếm đoạt đó đều phải trả lại và xung vào của công (nếu là của công, của Nhà nước), phải trả lại hoặc bồi thường gấp đôi (nếu là của dân). Nhằm bảo vệ chế độ tư hữu về ruộng đất - cơ sở tồn tại của chế độ phong kiến, quyền sở hữu tối cao của nhà vua và chủ quyền quốc gia, theo đó tất cả những hành động bán ruộng đất, bờ cõi, nô tỳ và voi ngựa (điều 74), binh khí, thuốc nổ (điều 75) cho người nước ngoài đều bị tội *chém đầu*. Nếu bán các đồ vật, sản vật quý hiếm, vật cấm như mắm muối, gỗ lim, ngà voi,... cùng các vật liệu có thể chế tạo ra vũ khí cho người nước ngoài thì người vi phạm đều bị xử *lưu* đi châu xa (các điều 75, 76,...). Ngay cả các quan sứ thần nhận tiền hối lộ mà tiết lộ công việc và bí mật của nhà nước cho nước ngoài đều bị xử *chém* (các điều 79, 221,...). Những người dung túng hoặc không tố cáo những hành vi phạm các tội trên cũng bị phạt rất nặng: *lưu*, *chém*. Ngoài ra, tất cả những hành động làm giả ấn tín của nhà vua (điều 516), tiết lộ bí mật của nhà vua, nhà nước cho người ngoài để lấy tiền (điều 212), làm vàng bạc giả và đồ dùng bằng vàng bạc giả (điều 524), đúc trộm tiền đồng (điều 523) thì thủ phạm và tòng phạm đều bị xử tội *chém*.

Rõ ràng, qua những điều luật này cho thấy, tư tưởng đức trị của Nho giáo nói chung, yêu cầu bề tôi phải tuyệt đối trung thành với nhà vua và phải thi hành đường lối “thân dân” nói riêng là một trong những căn cứ, cơ sở của những điều luật này.

Thứ hai, tham ô, tham nhũng là hiện tượng phổ biến của bất kỳ bộ máy nhà nước

nào, ở mọi cấp chính quyền nhà nước và chủ yếu xảy ra trong đội ngũ quan lại có chức, có quyền. Như trên đã nói, tệ nạn này là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thoái hoá về đạo đức và làm suy giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước, dẫn tới suy đồi và biến dạng đạo đức của không chỉ đội ngũ này mà của cả xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với nhà vua, đối với nhà nước. Việc nhận thức được mối nguy hiểm và hậu quả to lớn của loại tệ nạn và tội phạm này mà dưới sự chỉ đạo của vua Lê Thánh Tông, trong bộ *Luật Hồng Đức* đã đưa ra rất nhiều các điều luật quy định việc xác định, xét xử và trừng trị loại tội danh này. Theo đó, trừ nhà vua, thì quan lại ở mọi cấp, mọi chức vụ mà lợi dụng chức quyền và ảnh hưởng của mình (dù bất cứ hoàn cảnh nào với những cách thức nào) mà tham ô tiền bạc, tài sản của công, của nhà nước, của nhân dân đều được coi là vi phạm nghiêm trọng đạo đức và pháp luật và đều bị nghiêm trị. Như điều 204 chỉ rõ: những vị đại thần và các quan văn võ nhận tiền hối lộ, dùng tài vật để kết giao với nhau thì coi như có âm mưu phản nghịch; các quan sảnh, quan viện vì ý riêng để nhận tiền hối lộ mà trình báo không đúng về sự siêng năng hay lười biếng của các viên chức dưới quyền thì bị phạt hơn một bậc so với tội biếm, giáng chức (điều 218); các quan ty (trông coi pháp luật) vì nhận tiền hối lộ mà làm trái luật đều bị xử tội biếm, đồ, lưu, chém tùy theo số tiền nhận hối lộ (như nhận từ 1 quan đến 9 quan xử tội biếm; từ 20 quan trở lên bị xử tội chém) (điều 138). Ngoài ra, bộ luật còn quy định: quan liêm phóng (thanh tra, kiểm tra) xét việc phải đúng sự thật, nếu ăn hối lộ mà đổi trắng thay đen thì xử tội lưu hay chém tùy vào số tiền nhận hối lộ (điều 197), v.v..

Bên cạnh việc hướng dẫn thi hành việc trừng trị tội tham ô, tham nhũng trong đội ngũ quan lại, những người có chức có quyền, bộ *Luật Hồng Đức* còn đưa ra khá nhiều điều luật quy định việc xem xét và nghiêm trị các tội danh khác liên quan đến tham ô, tham nhũng. Qua những điều luật này cho thấy, phạm vi vi phạm loại tội phạm này là rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và người dân, khả năng phạm tội của đội ngũ quan lại là rất lớn, do vậy hậu quả là rất nặng nề.

Đúng là, dưới triều Lê sơ, đặc biệt dưới triều Lê Thánh Tông, nhà nước khuyến khích tự do mua bán ruộng đất nhưng phải tuân theo pháp luật và trên cơ sở thoả thuận giữa người mua và người bán. Nhưng mặt khác, bộ *Luật Hồng Đức* do chịu ảnh hưởng và vận dụng tư tưởng đức trị của Nho giáo, đã đưa ra nhiều điều luật nhằm trừng trị những vị quan lại lợi dụng chức quyền để chiếm đoạt ruộng đất của công (điều 372), tranh giành nhà đất hay khai man con cái để tranh giành nhà đất của nhà nước (điều 354), đều bị xử tội biếm hay đồ. Những hành vi chiếm ruộng đất của người khác (các điều 353, 370...), ức hiếp để mua ruộng đất (điều 355) và lấy tiền hoa màu của dân (điều 347) đều bị xử tội biếm với các bậc khác nhau tùy theo số lượng ruộng đất chiếm đoạt hoặc mua bán không đúng pháp luật. Tất cả số ruộng đất, nhà mà quan lại chiếm đoạt đều phải bồi thường gấp đôi cho nhà nước hoặc cho người bị chiếm đoạt.

Cùng với việc đưa ra nhiều điều luật để trừng trị tội danh trên, bộ luật này còn dành khá nhiều điều luật trừng trị các ông quan thu thuế vi phạm đạo đức mà mắc tội tham ô, tham nhũng. Theo đó, tất cả những hành động thu thuế trái quy định của pháp luật và

lấy làm của riêng đều bị xử phạt tội đồ, lưu và phải bồi thường gấp đôi (các điều 206, 325, 327, 351,...).

Bộ luật còn đưa ra nhiều điều luật trừng trị các tội tham ô, nhận tiền hối lộ của những ông quan có chức, có quyền (như các điều 241, 246, 253, 268, 280,... trừng trị các quan tướng hiệu, tướng lĩnh, quan trấn thủ, người coi kho binh khí, vật dụng của quân đội mà lấy trộm tiền bạc, tài sản của công, nhận tiền hối lộ của binh lính, ăn bớt khẩu phần của quân sỹ, khai tăng số lính để lấy tiền và của cải làm của riêng,... đều xử biếm, đồ, lưu). Đặc biệt trong lúc chiến tranh mà mắc tội này đều bị xử chém. Hoặc như những quan giám sát coi thi, chấm thi vi phạm đạo đức nghề nghiệp mà nhận tiền hối lộ và để người khác thi hộ (các điều 98, 99, 101); làm trái quy chế tuyển dụng và tuyển dụng không đúng do nhận hối lộ (các điều 170, 174...) đều bị xử tội *biếm*, *đồ* hay *lưu*.

Tóm lại, tất cả những hành vi vi phạm đạo đức và lợi dụng chức quyền để chiếm đoạt, nhận hối lộ tiền bạc, tài sản của nhà nước, của nhân dân ở các ông quan, những người có chức có quyền đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, số tiền và của cải chiếm đoạt ấy đều phải bồi thường gấp đôi và trả lại cho nhà nước, cho người bị chiếm đoạt.

Thứ ba, nhằm làm cho mọi người luôn có đạo đức và góp phần tạo ra xã hội có đạo đức, bộ *Luật Hồng Đức* còn đưa ra khá nhiều điều luật để xác định và trừng trị những người nào lợi dụng công việc, nghề nghiệp của mình mà chiếm đoạt của cải, tiền bạc của người khác. Có nghĩa là, đối tượng vi phạm đạo đức mà tham ô, tham nhũng không chỉ ở tầng lớp quan lại có chức có quyền. Các điều luật trong bộ luật

này cho thấy, tất cả những người dựa vào ưu thế và nghề nghiệp của mình mà âm mưu chiếm đoạt hay mua rẻ ruộng đất, của cải của người khác (các điều 353, 355, 463); người bắt được kẻ cướp, kẻ ăn trộm mà nhận hối lộ để tha cho họ (các điều 453, 459, 460,...); người lấy của cải, tiền bạc của kẻ ăn trộm, ăn cướp làm của riêng (các điều 461, 462); người làm giả ấn tín, dùng ấn tín giả để trục lợi riêng (các điều 516, 517); người làm vàng bạc giả (điều 524), người làm bằng cấp giả cho người khác để lấy tiền; kẻ coi chợ, người thầy thuốc mà sách nhiễu để lấy tiền thêm,... đều bị xử tội *biếm*, *đồ* hay *lưu*.

Thứ tư, một điều đáng chú ý trong bộ *Luật Hồng Đức* là, bộ luật không chỉ đưa ra các điều luật trừng trị tội danh nhận hối lộ mà còn đưa ra nhiều điều luật trừng trị tội đưa hối lộ với những động cơ, mục đích khác nhau. Đây cũng là một trong những biện pháp để ngăn ngừa, xoá bỏ nạn tham ô, tham nhũng. Như điều 140 quy định: việc trừng trị tội đưa hối lộ để thoát tội, hay thay người phạm tội để đưa hối lộ đều bị xử phạt như người nhận hối lộ; số tiền, của cải đưa hối lộ đều xung vào của công. Ngoài ra, ở một số điều luật còn đưa ra những quy định cụ thể để trừng phạt loại tội danh này, như đưa tiền hối lộ để không phải đi lính (điều 170), để được tuyển dụng (điều 174), để không bị phạt tội, v.v..

Cuối cùng là, nhằm ngăn ngừa và trừng trị tham ô, tham nhũng, ngoài những quy định về việc trừng trị các loại đối tượng trên đây, bộ *Luật Hồng Đức* còn đưa ra những quy định nhằm khuyến khích người tố cáo những vị quan lại, những người có chức, có quyền phạm tội, tham ô, tham nhũng. Theo đó, tất cả những ai đó tố cáo, tố giác loại tội phạm này đều được khen thưởng. Tất nhiên,

những ai a dua, dung túng hoặc biết mà không tố cáo đều được coi là vi phạm pháp luật và bị xử với hình phạt dưới kẻ phạm tội một bậc.

Rõ ràng là, các điều luật liên quan đến vấn đề phòng, chống tham ô, tham nhũng cho thấy rõ, Nho giáo nói chung và tư tưởng đức trị của Nho giáo nói riêng là một trong những cơ sở cho sự hình thành những điều luật này và cũng cho thấy rõ, ý thức, chủ trương và quyết tâm của vua Lê Thánh Tông và triều đại của ông trong việc vận dụng tư tưởng đức trị của Nho giáo nhằm loại trừ một cách kiên quyết nhất tệ nạn này. Đây còn là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất trong việc thực hiện ý đồ của Lê Thánh Tông là đưa triều đại cùng chế độ phong kiến dưới sự trị vì của ông đạt tới giai đoạn toàn thịnh nhất trong lịch sử của chế độ phong kiến Việt Nam, trong việc đào tạo, giáo dục đội ngũ quan lại có đạo đức, góp phần vào việc kiến tạo ra một xã hội có đạo đức và tôn trọng pháp luật.

Nghiên cứu bộ *Luật Hồng Đức* nói chung và những điều luật liên quan đến việc phòng chống tội tham ô, tham nhũng nói riêng không chỉ cho thấy, sự kết hợp giữa đức trị và pháp trị mà hơn nữa, xét đến cùng, ở bộ luật này, tất cả những hành vi vi phạm đạo đức đều là vi phạm pháp luật. Hay nói một cách khác, thực chất và mục đích của pháp luật là nhằm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ đạo đức, các chuẩn mực đạo đức mà thôi.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Bộ *Luật Hồng Đức* nói chung và vấn đề phòng, chống tham ô, tham nhũng trong bộ luật này nói riêng không thể không tránh

khỏi những hạn chế và tính chất khắc nghiệt vốn có của bất kỳ bộ luật nào dưới chế độ tồn tại sự thống trị, bóc lột. Xét đến cùng, nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, tính chất tiêu cực của bộ luật này là củng cố, bảo vệ, duy trì địa vị và quyền lợi của giai cấp phong kiến mà đại diện là nhà vua. Mặc dù vậy, ngay trong vấn đề phòng, chống tội tham ô, tham nhũng cũng có nhiều giá trị và ý nghĩa tích cực. Đặc biệt là, bộ luật đó đã để lại nhiều bài học và những kinh nghiệm quý báu trong việc ngăn chặn, đẩy lùi và khắc phục có hiệu quả nạn tham ô, tham nhũng đang diễn ra trong xã hội Việt Nam hiện nay. Có thể đưa ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, để xây dựng và duy trì bộ máy nhà nước các cấp trong sạch, có đạo đức, được “dân tín” và phát huy có hiệu quả năng lực quản lý xã hội, thì một trong những biện pháp tiên quyết, chủ yếu nhất là phải ngăn chặn và trừng trị bằng pháp luật một cách kiên quyết nhất mọi biểu hiện và hành vi tham ô, tham nhũng trong bộ máy nhà nước - bộ máy công quyền.

Nghiên cứu vấn đề phòng chống tham ô, tham nhũng thời Lê sơ ở Việt Nam cho thấy, phòng chống tham ô, tham nhũng luôn là mối quan tâm hàng đầu của nhà vua, của nhà nước. Những điều luật, những quy định về việc phòng chống tham ô, tham nhũng không chỉ nhằm đẩy lùi, diệt trừ loại tội phạm nguy hiểm này, mà chủ yếu để kiến tạo và duy trì bộ máy nhà nước có đạo đức. Và một bộ máy nhà nước có đạo đức, liêm khiết, trong sạch mới tạo lập được một xã hội có trật tự, kỷ cương, tôn trọng pháp luật.

Ở Việt Nam hiện nay, tham ô, tham nhũng trong bộ máy nhà nước đang trở

thành vẩn nạn, quốc nạn. Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều biện pháp để ngăn chặn, đẩy lùi thực tế này. Tuy vậy, quốc nạn này vẫn tồn tại và có nguy cơ lan rộng, để lại nhiều hậu quả, gây ra nhiều bất bình, phần nộ trong nhiều tầng lớp người Việt Nam. Thực trạng này cũng như việc ngăn chặn, trừng trị nạn tham ô, tham nhũng chưa có hiệu quả là do nhiều nguyên nhân. Theo chúng tôi, một trong những nguyên nhân chủ yếu là, chúng ta quá coi trọng việc giáo dục bằng đạo đức, bằng tuyên truyền, bằng kêu gọi, mà không coi trọng pháp luật trong việc ngăn chặn, đẩy lùi và trừng trị nạn tham ô, tham nhũng. Diệt trừ loại tệ nạn này chỉ thực sự có hiệu quả khi dựa chủ yếu vào pháp luật, bằng các công cụ pháp luật và xử lý một cách kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh bất cứ tổ chức, cá nhân nào trong bộ máy nhà nước.

Hai là, nghiên cứu bộ *Luật Hồng Đức* cho thấy, để triệt thoái có hiệu quả nạn tham ô, tham nhũng trong bộ máy nhà nước và nhằm kiến tạo bộ máy nhà nước có đạo đức, thì trước hết phải ngăn chặn, loại trừ những hành vi tội phạm này ở đội ngũ quan lại, những người có chức, có quyền.

Thực tế cho thấy, nạn tham ô, tham nhũng chủ yếu là ở các thành viên, nhân viên trong bộ máy nhà nước - những người có chức, có quyền. Họ lợi dụng “uy tín”, “địa vị”, “quyền lực” của mình mà nhân dân giao cho để tham ô, tham nhũng. Do vậy, việc phòng chống tham ô, tham nhũng ở Việt Nam thực sự có hiệu quả, phải luôn coi những người có chức, có quyền là đối tượng có thể nảy sinh tham ô, tham nhũng. Khi đã phát hiện có biểu hiện, hành vi phạm tội tham ô, tham nhũng của người có chức, có quyền nào phải được xử lý kịp thời,

ng nghiêm minh theo pháp luật, dù người đó ở cương vị nào, giữ những chức vụ gì dù họ đã có những công lao, thành tích gì trước đó và với tinh thần “chức vụ càng cao, trị tội càng nặng”.

Ba là, dù chưa thật đầy đủ và có những hạn chế nhất định, nhưng bộ *Luật Hồng Đức* chủ trương phát hiện và trừng trị có hiệu quả nạn tham ô, tham nhũng trong bộ máy nhà nước và trong đội ngũ quan lại, những người có chức có quyền; kiến tạo ra cơ chế “giám sát” quyền lực và cơ hội để người dân phát hiện những hành vi tham ô, tham nhũng.

Nhà nước ở bất cứ chế độ chính trị nào đều là bộ máy quyền lực, những người tham gia vào bộ máy đó là những người thực thi quyền lực của nhà nước. Do vậy, nếu không “giám sát” bộ máy và những người tham gia vào bộ máy ấy thì không thể phát hiện và trừng trị có hiệu quả nạn tham ô, tham nhũng. “Quyền lực” là con đường ngắn nhất để đi đến tham ô, tham nhũng, là công cụ hiệu quả nhất để tham ô, tham nhũng. Bởi vậy, “giám sát quyền lực” một cách nghiêm minh, thường xuyên ở Việt Nam hiện nay là một đòi hỏi, nhiệm vụ chính trị trọng yếu và cấp bách trong việc ngăn chặn, đẩy lùi nạn tham ô, tham nhũng. Việc xây dựng và thực hiện cơ chế “giám sát quyền lực” phải cụ thể, công khai, minh bạch và phải huy động được tinh thần và lực lượng của các tổ chức quần chúng và đông đảo nhân dân. Có nghĩa là, việc phòng chống tham ô, tham nhũng trong bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay không chỉ là nhiệm vụ của các tổ chức Đảng, chính quyền mà còn của nhân dân, toàn xã hội.

Bốn là, bộ *Luật Hồng Đức* đã đưa ra những điều luật, những quy định hết sức

chặt chẽ, rõ ràng, cụ thể trong việc ngăn cấm, trừng trị tội tham ô, tham nhũng của những tổ chức, và những người có chức, có quyền. Theo đó, những quan lại, những người có chức, có quyền nào mà tham ô, tham nhũng hoặc giấu giếm, bao che cho loại tội phạm này đều bị trừng trị một cách nghiêm minh tùy thuộc vào tính chất, số lượng tài sản chiếm đoạt và hậu quả của nó gây ra theo phương châm “đúng người, đúng tội”.

5. Kết luận

Cần phải thẳng thắn nhìn nhận rằng, nhiều bộ luật ở nước ta hiện nay tuy có đề cập đến vấn đề phòng chống tham ô, tham nhũng và ngay cả *Luật phòng, chống tham nhũng* nhưng chưa được soạn thảo đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Những quy định để chế tài và trừng trị tội tham ô, tham nhũng còn nhiều kẽ hở dễ bị lợi dụng và xuyên tạc, không ít các quy định về việc trừng trị loại tội phạm này

chưa thật nghiêm minh, chưa đủ sức để ngăn chặn, loại trừ có hiệu quả. Vì vậy, các bộ luật ở nước ta hiện nay cần phải được bổ sung (do xuất hiện thêm những biểu hiện mới về loại tội phạm này) và hoàn thiện với phương châm phải thật sự coi tham ô, tham nhũng là loại “tội phạm” nguy hiểm nhất, mà nếu không ngăn chặn, trừng trị kịp thời, nghiêm khắc thì hậu quả về mọi mặt của nó là khó lường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009.
- [3] *Quốc triều hình luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.1,2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.